TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2020
Về việc: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Lâm Yến Nhi

Chị: Nguyễn Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Tuyết L**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Võ Vũ H** (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Tuyết L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Vũ H chung sống với nhau năm 2014 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Vũ Hoàng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người

con chung tên Võ Tuyết N, sinh ngày 04/8/2013 nay chị đang nuôi dạy, nay yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Vũ H trình bày tại đơn xin xử vắng mặt ngày 05/3/2020: vào tháng 12/2019 vợ tôi yêu cầu xin ly hôn tôi thống nhất về thời giang kết hôn hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quang điểm từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàng gắn lại được, nay vợ tôi yêu cầu ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống tạo 01 con chung tên: Võ Tuyết N, sinh ngày 04/8/2013, hiện nay sống với chị L, nay anh đồng ý giao cháu Nhi cho chị L nuôi dạy đến tuổi trưởng thành, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết L và anh Võ Vũ H có nơi trú tại ấp 6 xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Võ Vũ H, tranh chấp về hôn nhân, huôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Tuyết L và anh Võ Vũ Linh có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh H không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L và anh Mỹ đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Căn cứ

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh H.

[3] *Về con chung:* Chị L và anh H có 01 người con chung tên Võ Tuyết N, sinh ngày 04/8/2013 hiện sống chung với chị L.

Xét, con chung tên Võ Tuyết N, sinh ngày 04/8/2013 sống chung với chị L hiện đang đi học nên gần gũi với chị L, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Võ Tuyết N, sinh ngày 04/8/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nên không xem xét. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Chị L và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Tuyết L được ly hôn với anh Võ Vũ H.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Tuyết N, sinh ngày 04/8/2013 cho chị Nguyễn Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Võ Vũ H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết L phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 02/3/2020 chị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003352 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy